

Manubrium

Superior vena cava

Right main
bronchus

Horizontal
fissure

Right atrium

Oblique
fissure

Inferior vena
cava

Diaphragm /
Liver

Aortic arch

Pulmonary
trunk

Left main
bronchus

Left atrium

Left
ventricle

Oblique
fissure

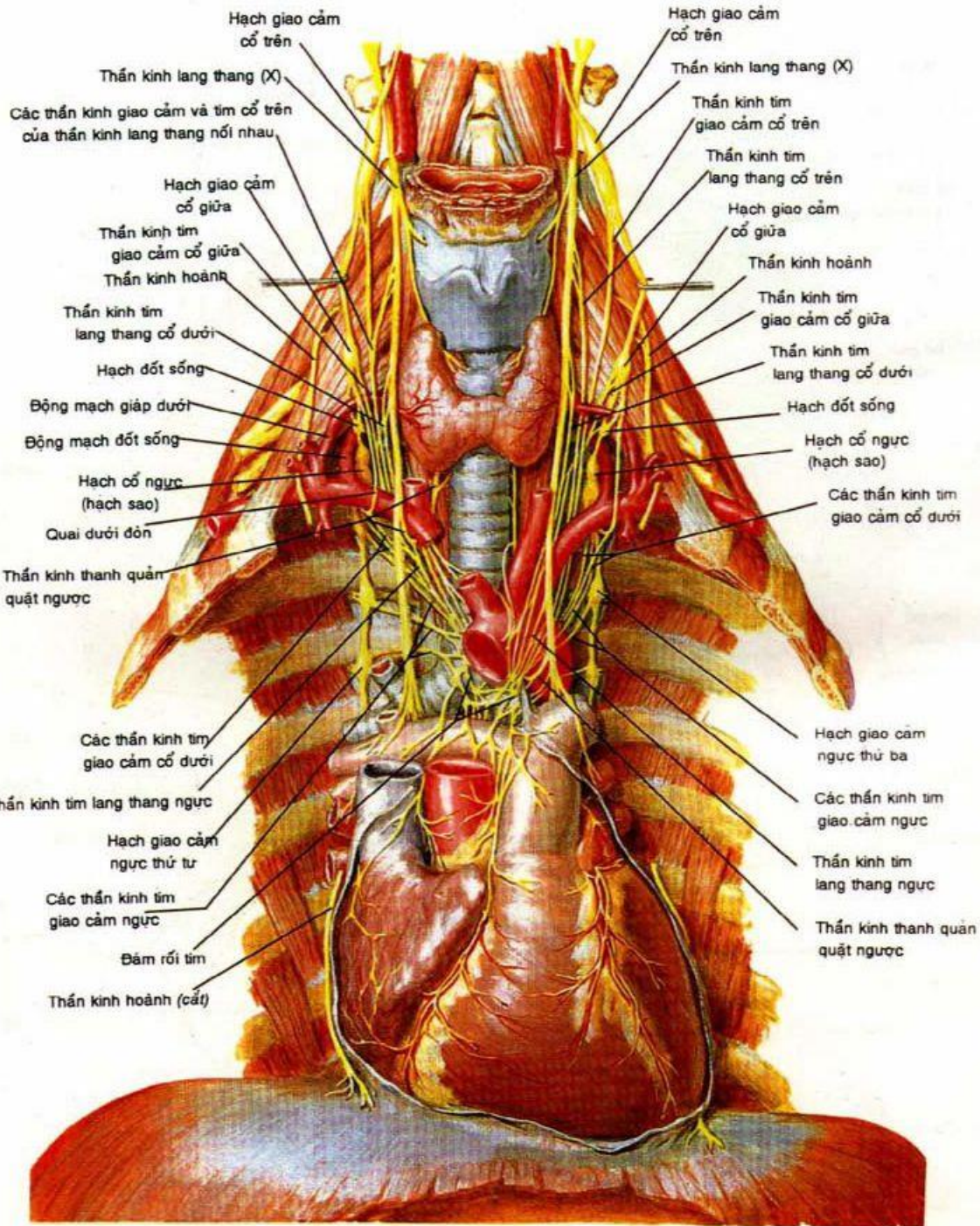
Diaphragm

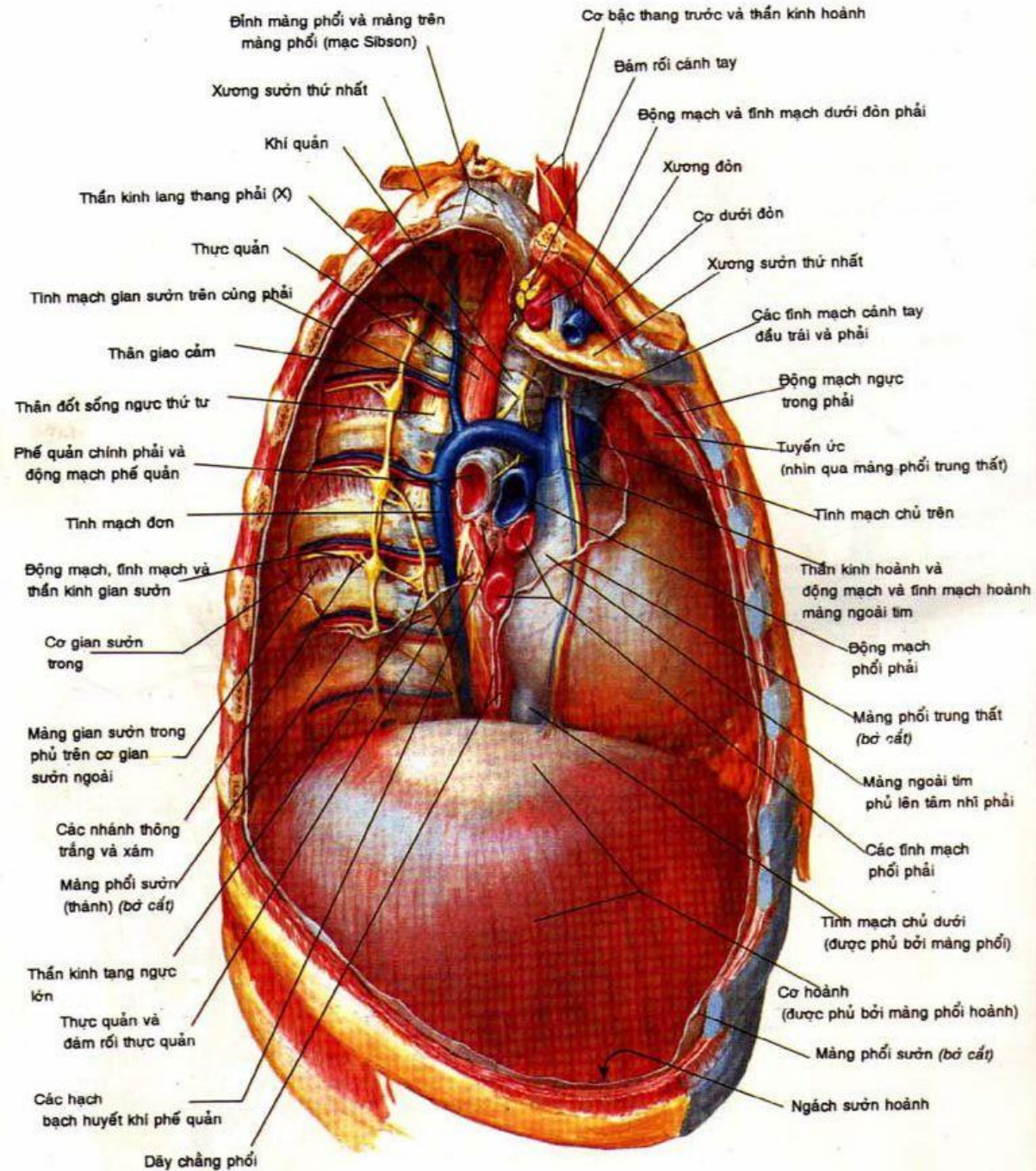
Left costo-
phrenic angle

Gastric bubble

R
M
2

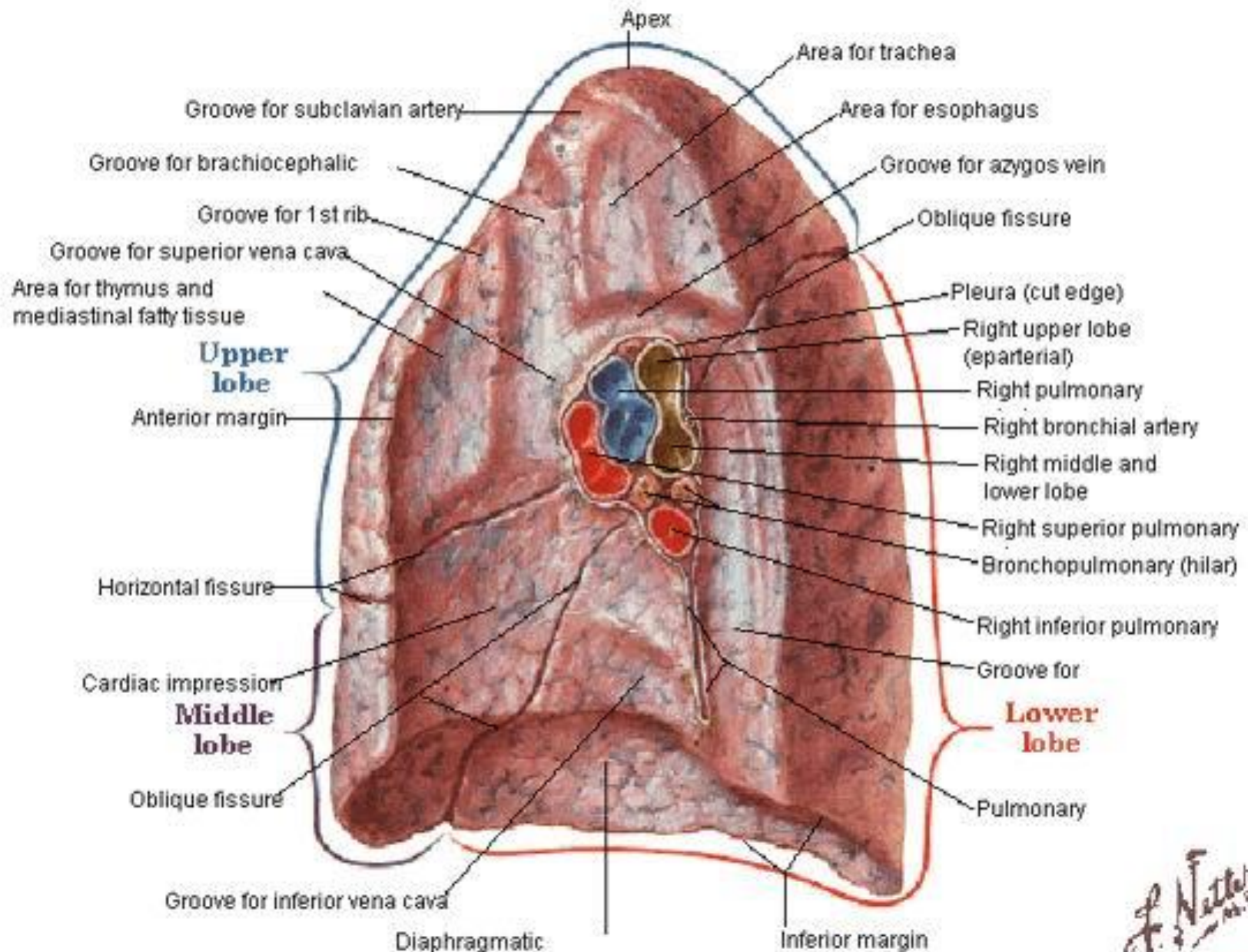
<http://api.badt.vn:8042/stone-webviewer/index.html?study=1.2.276.0.7230010.3.1.2.346817280.1.1652691777.590523>

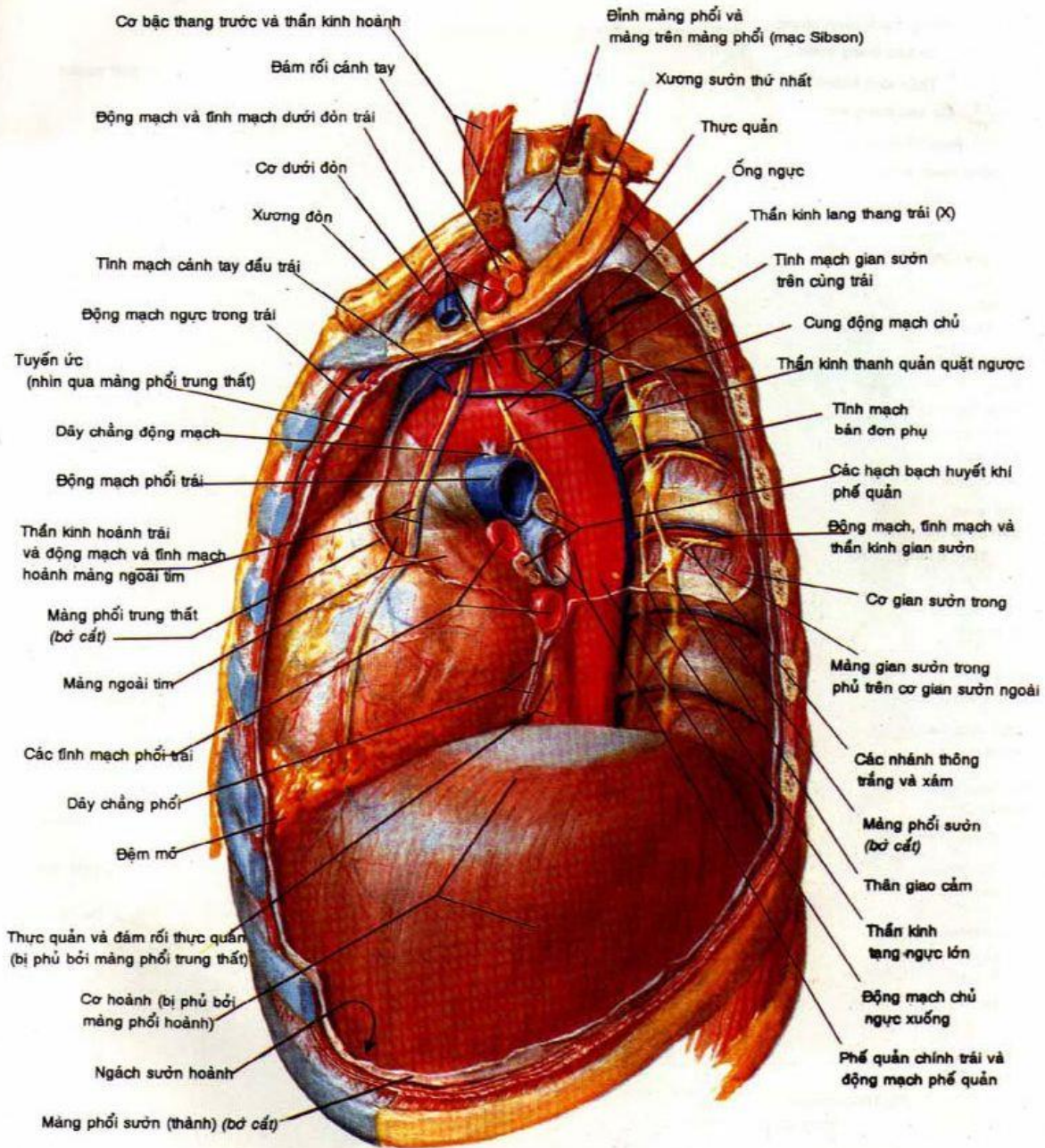




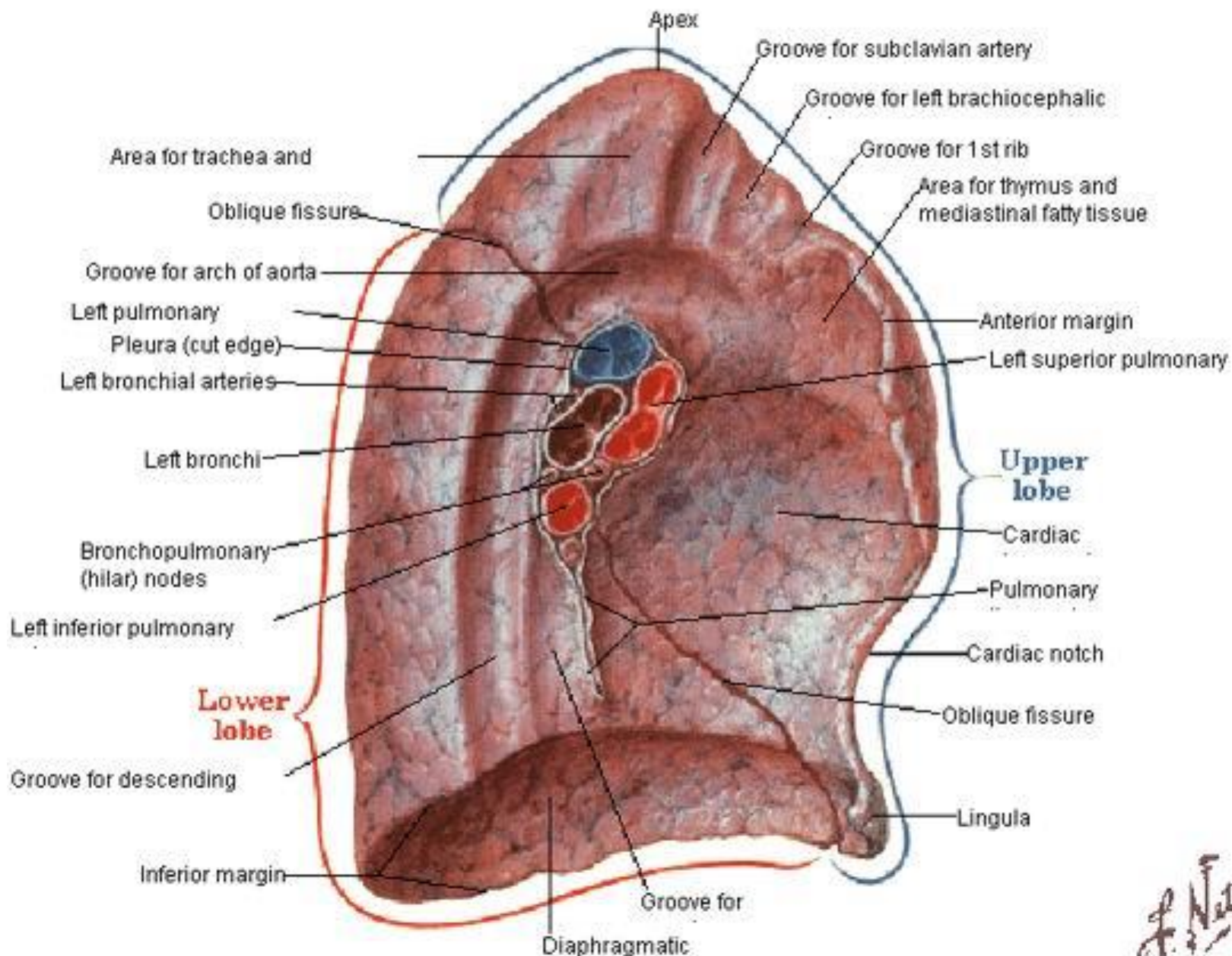
Right Lung

Medial View



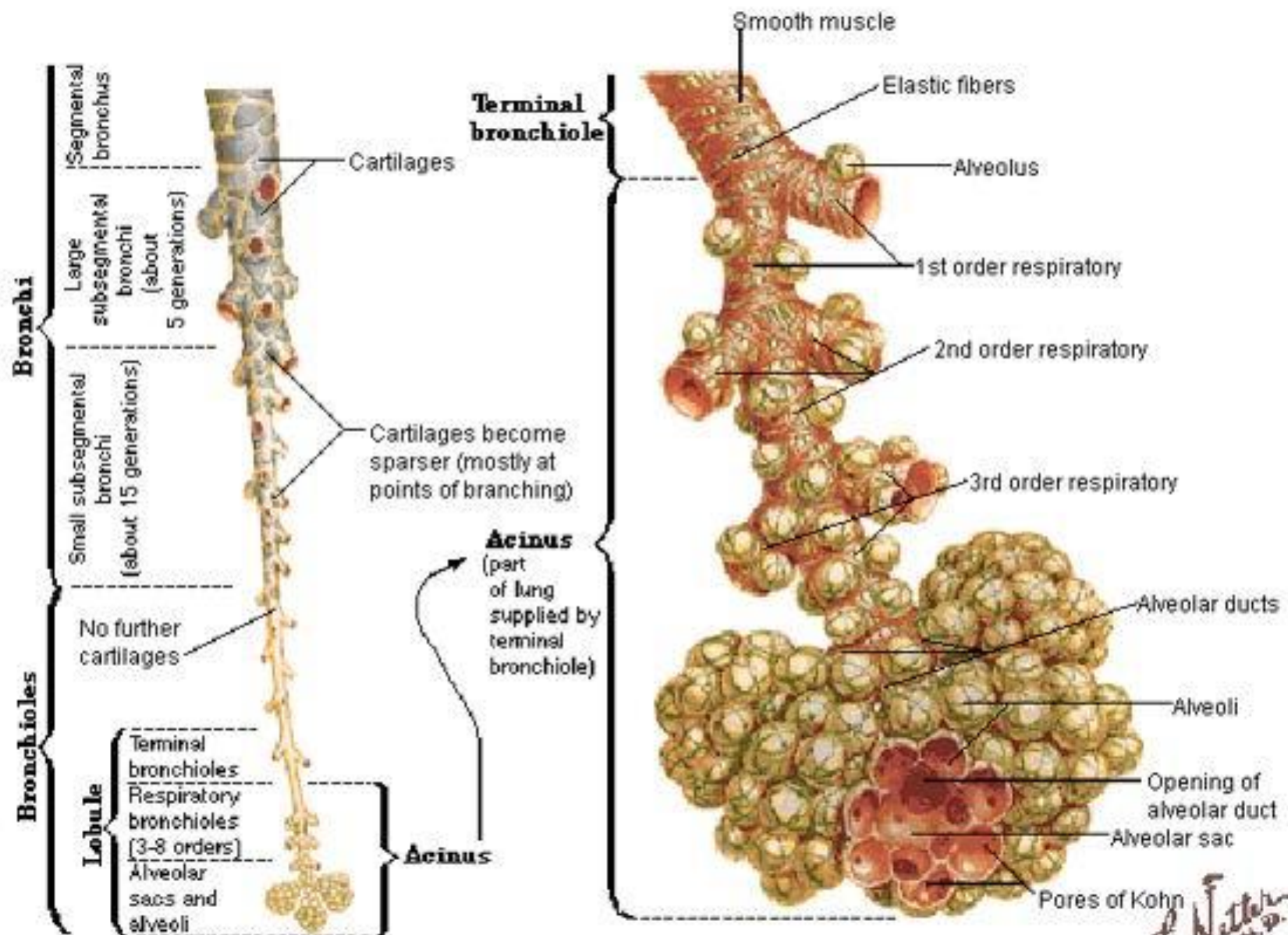


Left Lung Medial View



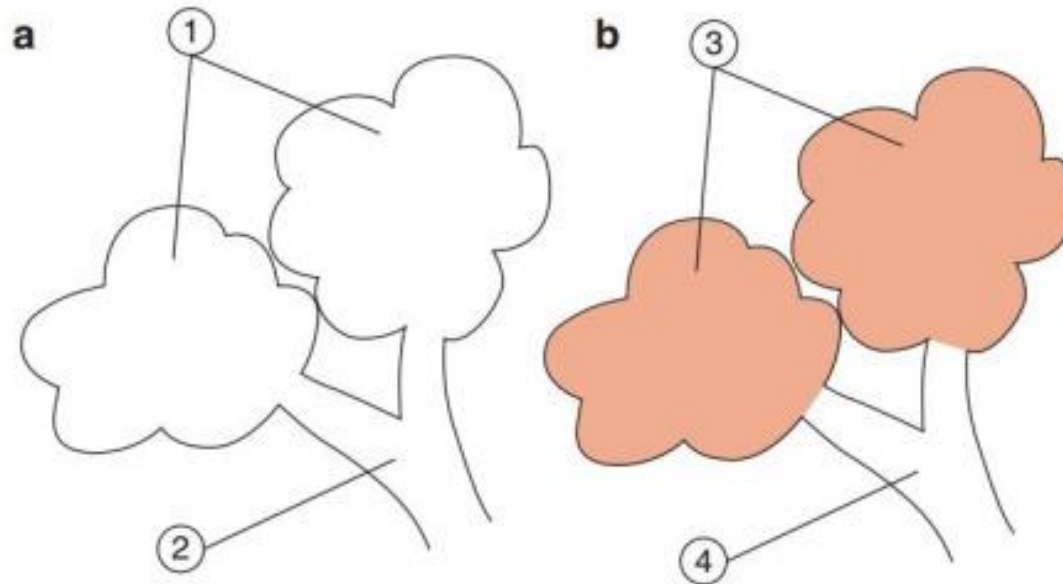
Intrapulmonary Airways

Schema

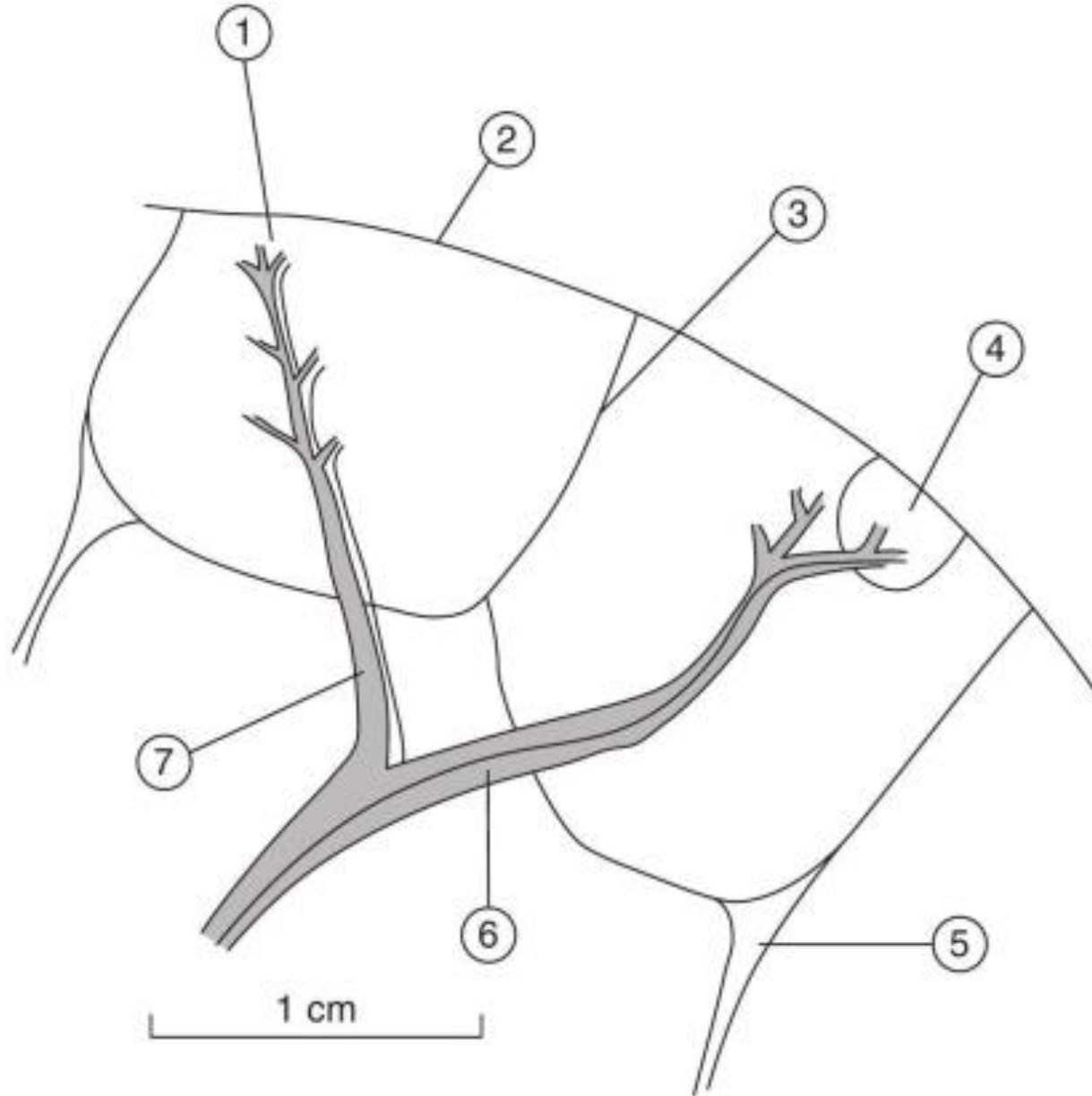


Subdivisions of intrapulmonary airways

Structure of intrapulmonary airways



Hình 6.1. (a) hình phế nang và các tiểu phế quản bình thường; (b) đông đặc, ví dụ, có mủ đây phế nang với tiểu phế quản bình thường vẫn còn chứa đầy không khí. (1) phế nang đầy không khí; (2) tiểu phế quản chứa đầy không khí; (3) phế nang đầy mủ (đông đặc); (4) tiểu phế quản chứa đầy không khí.



Hình 6.46. Sơ đồ tiểu thùy phổi. (1) động mạch tận và tiểu phế quản tận; (2) màng phổi tạng (0,1 mm); (3) vách liên tiểu thùy (0,1 mm); (4) chùm phế nang (0,6 – 1 mm); (5) tĩnh mạch phổi (0,5 mm); (6) động mạch tiểu thùy (1 mm); (7) tiểu phế quản tiểu thùy (1 mm).

